

KT3-01732ANH3

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

10/10/2023
 Page : 01/03

1. Phương tiện đo: **MEMORY HILOGGER**
Object
2. Nơi sản xuất: **HIOKI-JAPAN**
Manufacturer
3. Kiểu/ Type: **LR8400-20** SN: 180941004 ID: N/A
4. Đặc trưng kỹ thuật: + Phạm vi đo/ Range: - 200 °C đến/ to 400 °C
 + Độ phân giải/ Resolution: 0,01 °C; 0,05 °C; 0,1 °C
Specification
5. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**
Customer **Phòng 406, Tầng 4, Tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**
6. Nơi hiệu chuẩn: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**
Place of Calibration **7 Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai**
7. Phương pháp hiệu chuẩn: QTHC/KT3 17: 2022 Nhiệt kế hiển số & tương tự - Qui trình hiệu chuẩn
Method of Calibration **Digital & Analog Thermometers - Calibration Procedure**
8. Chuẩn sử dụng/Standards Used:

ID	Description	Traceable to	Cal. Date	Due Date
NH1861	Temperature Indicator	VMI-VIETNAM	02/2023	02/2024
NH2007	PRT, Pt 100	VMI-VIETNAM KRISS-KOREA	02/2023	02/2024
NH2042	Calibration Bath	VMI-VIETNAM KRISS-KOREA	12/2022	12/2023

9. Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment: [23 ± 5] °C [50 ± 20] %RH
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: Không/ No
11. Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration: 05/10/2023
12. Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label: KT3-01732ANH3
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: N/A
Recalibration Date as Request of Customer

TRƯỞNG PDL NHIỆT
HEAD OF TEMPERATURE MEAS. LAB.

Trần Lê Phương

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
HEAD OF LAB.

Nguyễn Tấn Tùng

KT3-01732ANH3

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CERTIFICATE OF CALIBRATION

10/10/2023

Page: 02/03

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License No:

14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of calibration

Kênh/ Channel Đầu dò/ Probe	Giá trị chỉ thị, °C Indication Value	Giá trị chuẩn, °C Reference Value	Số hiệu chỉnh, °C Correction	Độ KĐBBĐ, °C Uncertainty
1 / UNIT 1; LR8500	- 80,1	- 80,01	+ 0,1	0,1
Type T [TB-341-A1]	- 40,3	- 40,00	+ 0,3	0,1
2 / UNIT 1; LR8500	- 80,3	- 80,01	+ 0,3	0,1
Type T [TB-341-A2]	- 40,1	- 40,00	+ 0,1	0,1
3 / UNIT 1; LR8500	- 80,3	- 80,01	+ 0,3	0,1
Type T [TB-341-A3]	- 40,2	- 40,00	+ 0,2	0,1
4 / UNIT 1; LR8500	- 80,2	- 80,01	+ 0,2	0,1
Type T [TB-341-A4]	- 40,3	- 40,00	+ 0,3	0,1
5 / UNIT 1; LR8500	- 79,9	- 80,01	- 0,1	0,1
Type T [TB-341-A5]	- 40,2	- 40,00	+ 0,2	0,1
6 / UNIT 1; LR8500	- 80,4	- 80,01	+ 0,4	0,1
Type T [TB-341-A6]	- 40,4	- 40,00	+ 0,4	0,1
7 / UNIT 1; LR8500	- 80,5	- 80,01	+ 0,5	0,1
Type T [TB-341-A7]	- 40,5	- 40,00	+ 0,5	0,1
8 / UNIT 1; LR8500	- 80,4	- 80,01	+ 0,4	0,1
Type T [TB-341-A8]	- 40,4	- 40,00	+ 0,4	0,1
9 / UNIT 1; LR8500	- 80,2	- 80,01	+ 0,2	0,1
Type T [TB-341-A9]	- 40,4	- 40,00	+ 0,4	0,1
10 / UNIT 1; LR8500	- 80,3	- 80,01	+ 0,3	0,1
Type T [TB-341-A10]	- 40,3	- 40,00	+ 0,3	0,1
1 / UNIT 2; LR8500	- 80,4	- 80,01	+ 0,4	0,1
Type T [TB-341-B1]	- 40,4	- 40,00	+ 0,4	0,1
2 / UNIT 2; LR8500	- 80,3	- 80,01	+ 0,3	0,1
Type T [TB-341-B2]	- 40,3	- 40,00	+ 0,3	0,1
3 / UNIT 2; LR8500	- 80,3	- 80,01	+ 0,3	0,1
Type T [TB-341-B3]	- 40,6	- 40,00	+ 0,6	0,1
4 / UNIT 2; LR8500	- 80,3	- 80,01	+ 0,3	0,1
Type T [TB-341-B4]	- 40,4	- 40,00	+ 0,4	0,1
5 / UNIT 2; LR8500	- 80,4	- 80,01	+ 0,4	0,1
Type T [TB-341-B5]	- 40,4	- 40,00	+ 0,4	0,1
6 / UNIT 2; LR8500	- 80,3	- 80,01	+ 0,3	0,1
Type T [TB-341-B6]	- 40,3	- 40,00	+ 0,3	0,1
7 / UNIT 2; LR8500	- 80,2	- 80,01	+ 0,2	0,1
Type T [TB-341-B7]	- 40,6	- 40,00	+ 0,6	0,1

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration

 N/A: không áp dụng.
Not applicable

KT3-01732ANH3

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

10/10/2023

Page: 03/03

14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of calibration

Kênh/ Channel Đầu dò/ Probe	Giá trị chỉ thị, °C Indication Value	Giá trị chuẩn, °C Reference Value	Số hiệu chỉnh, °C Correction	Độ KĐBĐ, °C Uncertainty
8 / UNIT 2; LR8500 Type T [TB-341-B8]	- 80,4	- 80,01	+ 0,4	0,1
	- 40,4	- 40,00	+ 0,4	0,1
9 / UNIT 2; LR8500 Type T [TB-341-B9]	- 80,5	- 80,01	+ 0,5	0,1
	- 40,4	- 40,00	+ 0,4	0,1
10 / UNIT 2; LR8500 Type T [TB-341-B10]	- 80,1	- 80,01	+ 0,1	0,1
	- 40,2	- 40,00	+ 0,2	0,1
1 / UNIT 2; LR8500 Type K [TB-341-H1]	751,3	750,01	- 1,3	0,6
	852,0	850,01	- 2,0	0,6
	953,0	950,01	- 3,0	1,6
	1003,0	1000,01	- 3,0	1,6
2 / UNIT 2; LR8500 Type K [TB-341-H2]	750,9	750,01	- 0,9	0,6
	851,9	850,01	- 1,9	0,6
	952,9	950,01	- 2,9	1,6
	1003,1	1000,01	- 3,1	1,6
3 / UNIT 2; LR8500 Type K [TB-341-H3]	751,0	750,01	- 1,0	0,6
	852,1	850,01	- 2,1	0,6
	952,8	950,01	- 2,8	1,6
	1003,0	1000,01	- 3,0	1,6

15. Thông tin khác/ Other Informations

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu **NĐ 86/2012/NĐ-CP; BIPM SI Brochure.**

All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.

c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với mười lần đo để tính giá trị trung bình và hiệu chỉnh.
All calibration results are based on times of measurement, from which the average and correction are calculated.

d. Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.

e. Khả năng đọc trên phương tiện đo/ Readability:

0,1 °C

f. Mức nhúng/ Immersion:

200 mm

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration

N/A: không áp dụng.
Not applicable